TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2026/DS-ST
Ngày: 29-6-2026.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Tân Dân.
2. Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 338/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1956 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082156001168, cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H: Ông Lê Trung T – Văn phòng Luật sư Tâm Nguyên L – Chi nhánh T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã V, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* - Nguyễn Kim T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082173010099, cấp ngày 18/01/2022.

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đ.

- Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082177015391, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: ấp P, xã V, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà H trình bày:*

Ngày 24/9/2023, bà H cho bà T và bà L vay 60.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận 3,5%/tháng; bà H nhiều lần yêu cầu bà T và bà L trả số tiền vốn 60.000.000 đồng, nhưng đến nay không trả.

Nay bà H yêu cầu bà T và bà L liên đới trả cho bà H 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến.*

** Luật sự Lê Trung Tuyển có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Luật sư Lê Trung T, đề nghị:* Buộc bà T, bà L trả cho bà H 60.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T, bà L không trả tiền thì hàng tháng bà T, bà L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà T và bà L liên đới trả cho bà H 60.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà T và bà L chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản". Căn cứ giải quyết theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị Hồng L đã được niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Luật sư Lê Trung T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình yêu cầu của bà H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy:

Ngày 24/9/2023, bà H cho bà T và bà L vay 60.000.000 đồng. Bà H có cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 24/9/2023 âm lịch (bút lục số 22), có nội dung bà Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị Hồng L có mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, lãi suất 3,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, có chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Kim T, Nguyễn Thị Hồng L. Tòa án đã được nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu của bà H cho bà T, bà L; nhưng bà T, bà L vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà T, bà L đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T và bà L liên đới trả lại 60. 000.000 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

Bà H không yêu cầu, tính lãi; nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T và bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Luật sư là căn cứ; nên chấp nhận.

[6] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Buộc bà Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng)*; trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà T và bà L phải liên đới chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu